

Số: 8198 /BSR-VP HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2025

V/v công bố giao dịch với người có liên quan,
giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản
của Công ty

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
 - Mã chứng khoán: BSR
 - Địa chỉ: số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.
 - Điện thoại liên hệ: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
 - Email: dhcd@bsr.com.vn

2. Nội dung công bố: Ngày 31/12/2025, Hội đồng quản trị BSR thông qua giao dịch với người có liên quan là Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) và giao dịch bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), cụ thể: phê duyệt kết quả đàm phán lượng theo hợp đồng term năm 2026 và mức phụ phí (Pre) áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2026. Giá trị giao dịch dự kiến với các khách hàng như sau:

- Petrolimex: 42.291.554.950.673 VND
- PVOIL: 12.615.926.467.200 VND

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/12/2025 tại đường dẫn <https://bsr.com.vn/>, chuyên mục Nhà đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên (Công bố điện tử);
- HDQT;
- BKS;
- TGD;
- Ban: PTKD, NL, TCKT, PCRR, KTNB;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định số 5497/QĐ-BSR ngày 31/12/2025;

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Hạng Anh Minh



Số: 5497 /QĐ-BSR

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả đàm phán lượng theo hợp đồng term năm 2026
và mức phụ phí (Pre) áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2026**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 1408/NQ-BSR ngày 23/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-BSR ngày 25/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt và ban hành Chính sách bán sản phẩm của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BSR ngày 25/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt và ban hành Phê duyệt và ban hành Quy chế kinh doanh sản phẩm của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Công văn số 5256/BSR-HĐQT ngày 19/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc phương án đàm phán giá 6 tháng đầu năm 2025;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 5461/TTr-BSR ngày 30/12/2025 về việc báo cáo kết quả đàm phán lượng theo hợp đồng term năm 2026 và mức phụ phí (Pre) áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2026 (1h2026),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đàm phán lượng theo hợp đồng term năm 2026 và mức phụ phí (Pre) áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2026 với các nội dung như sau:

- Khối lượng xăng dầu và các nội dung khác của hợp đồng định hạn năm 2026 như Phụ lục 01 đính kèm.



- Mức Phụ phí (pre) áp dụng 6 tháng đầu năm 2026 như Phụ lục 02 đính kèm.
- Thông qua nội dung hợp đồng với Petrolimex năm 2025 như kiến nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 5461/TTr-BSR ngày 30/12/2025.
- Giá trị dự kiến giao dịch với các khách hàng:

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex): 42.291.554.950.673 VND

Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL): 12.615.926.467.200 VND

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai các công việc tiếp theo tuân thủ quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nhà máy, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng các ban chức năng liên quan trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TV HĐQT;
- BKS;
- Ban: PTKD, NL, KHSX, TCKT, PCRR, KTNB;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Ngọc Dương



PHỤ LỤC 01 - KHỐI LƯỢNG TERM NĂM 2026 VÀ CÁC NỘI DUNG KHÁC CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 5497/QĐ-BSR ngày 31 tháng 12 năm 2025)

KHÁCH HÀNG	Xăng RON 95/Xăng nền RON 93/E10RON 95		Xăng RON 92		DO		E5RON 92		Jet A-1/KO		Tổng	
	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max	Min	Max
Petrolimex	145.000	145.000	-	-	145.000	145.000	300	1.400	1.800	3.600	292.100	295.000
PVOIL	65.000	70.000	5.000	8.000	90.000	100.000					160.000	178.000
SGP	15.000	15.000			5.000	5.000					20.000	20.000
Petimex	15.000	15.000			10.000	10.000					25.000	25.000
Thanh Lễ	16.000	16.000	3.000	3.000	16.000	16.000					35.000	35.000
MP	16.000	16.000	3.500	3.500	18.000	18.000					37.500	37.500
Hòa Khánh	7.500	7.500			13.000	13.000					20.500	20.500
Mipec	5.000	5.000			8.000	8.000					13.000	13.000
Hồng Đức	7.600	7.600			6.800	6.800					14.400	14.400
STS	6.000	6.000			3.000	6.000					9.000	12.000
Anh Phát	4.000	4.000			6.000	6.000					10.000	10.000
Dương Đông	4.000	5.000			6.000	7.000					10.000	12.000
Trường An	5.000	9.000			3.000	4.700					8.000	13.700
Nam Phúc	1.000	1.000			5.000	5.000					6.000	6.000
Hải Linh	-	6.000			-						-	6.000
PA									25.000	32.000	25.000	32.000
SKYPEC									27.000	32.000	27.000	32.000
Tổng	312.100	328.100	11.500	14.500	334.800	350.500	300	1.400	53.800	67.600	712.500	762.100
Phúc Lâm	-	3.000			-	5.000					-	8.000
Vĩnh Long Petro	-	1.500			-	1.500					-	3.000
SVP					-	1.500					-	1.500
PVOIL Lào					-	1.500					-	1.500
Miniterm	-	4.500			-	9.500					-	14.000
Tổng	312.100	332.600	11.500	14.500	334.800	360.000	300	1.400	53.800	67.600	712.500	776.100

Ghi chú:

- ✓ BSR ký term năm 2026 với Hải Linh 0-6.000 m3/tháng, ký miniterm 6 tháng đầu năm đối với Vĩnh Long Petro 0-3.000 m3/tháng và Phúc Lâm 0-8.000 m3/tháng các mặt hàng xăng RON 95/xăng RON93 và hoặc DO. Khối lượng cụ thể tùy khả năng cân đối của BSR và nhu cầu của khách hàng.
- ✓ BSR tiếp tục xuất bán xăng E5RON 92 cho Petrolimex thông qua BSR ký kết hợp đồng với PVOIL để phối trộn, pha chế xăng E5RON 92 tại hệ thống kho của PVOIL Dung Quất trên cơ sở BSR chỉ trả chi phí phối trộn (đơn giá 120 đồng/lít, tương tự như năm 2025) và chi phí mua E100 theo đơn giá nhập kho PVOIL Dung Quất trong năm 2026 (PVOIL thay mặt BSR thực hiện và BSR thanh toán thông qua hóa đơn PVOIL đã mua).
- ✓ Trước 1/6/2026, sau khi thống nhất được tiêu chuẩn chất lượng và phụ phí xăng nền RON93, khách hàng có nhu cầu chuyển Xăng RON 95 sang xăng nền RON 93 sẽ thông báo trước 30 ngày để BSR cân đối và xác nhận. Sau 1/6/2026, toàn bộ xăng 95 sẽ chuyển sang xăng nền RON 93 và hoặc xăng E10RON 95.
- ✓ Tổng sản lượng xăng E10 RON95 bằng đường bộ thuộc tổng lượng xăng, dự kiến khoảng 1.400-6.900 m3/tháng (gồm Petrolimex: 1.000-6.000 m3; Anh Phát: 200-400, Nam Phúc: 200-300 m3, Hòa Khánh: 0-150 m3, các khách hàng còn lại sẽ cập nhật sau). Giao cho Tổng giám đốc chủ động điều chỉnh lượng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và phù hợp với khả năng cân đối của BSR.
- ✓ Đối với xăng E10RON 95 bằng đường biển: Giao cho Petrolimex 20.000-40.000 m3/tháng dự kiến từ tháng 5/2026.

Các nội dung khác của Hợp đồng

- Cách xác định MOPS: tương tự như cách xác định MOPS của hợp đồng năm 2025.
- Về chất lượng sản phẩm:
 - + Áp dụng theo QCVN đối với các khách hàng không bao gồm Petrolimex.
 - + Riêng đối với Petrolimex: chất lượng quy định theo phụ lục của hợp đồng.
 - + Đối với xuất khẩu sang Lào: DO mức 3 hoặc DO mức 2 cam kết chỉ tiêu lưu huỳnh không vượt quá 350 ppm
- Hình thức thanh toán trước hoặc L/C:
- + Hình thức thanh toán L/C hoặc T/T: Các khách hàng Petrolimex, PVOIL, SP, Petimex, PA, Skypec, MP được áp dụng quyền chọn hình thức thanh toán L/C hoặc T/T.
- + Hình thức thanh toán trước hoặc L/C: Các khách hàng còn lại như Thanh Lễ, Hòa Khánh, Mipec, Anh Phát, Dương Đông, Nam Phúc, Hồng Đức, STS, Trường An, Hải Linh, Phúc Lâm, Vĩnh Long Petro, SVP và PVOIL Lào.



PHỤ LỤC 02 - PHỤ PHÍ (PRE) ÁP DỤNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 5497/QĐ-BSR ngày 31 tháng 12 năm 2025)

1. Xuất bán tại thị trường nội địa

a. Đối với xăng dầu:

Công thức giá: $P = (MOPS + Pre) \times (1 + \%TTTĐB) \times (1 + \%GTGT) \times \text{tỷ giá}$.

- *Giao nhận bằng đường biển/đường ống* (đối với khách hàng Nhóm 1):
 - Mức phụ phí (Pre) xăng 95/92: **+3,05 USD/thùng**;
 - Mức phụ phí (Pre) của DO (tham chiếu giá DO 500 ppm): **+1,50 USD/thùng**.

Giữ nguyên mức chênh lệch Phụ phí giữa các Nhóm khách hàng xăng dầu, cụ thể:

Mức chênh giữa Nhóm 2 và Nhóm 1: **+ 0,05 USD/thùng**;

Mức chênh giữa Nhóm 3 và Nhóm 2: **+ 0,05 USD/thùng**;

(Nhóm 1: Petrolimex, PVOIL; Nhóm 2: Thanh Lẽ, MP, Nhóm 3: Các khách hàng còn lại).

- *Giao nhận CIF/CFR:*

- Trường hợp khách hàng có nhu cầu, triển khai giải pháp giao hàng theo điều kiện CIF/CFR dựa trên nguyên tắc mức Pre FOB Dung Quất cộng (+) chi phí đưa hàng về cảng dỡ hàng theo các hợp đồng của BSR (ước tính USD/thùng). Giao cho Tổng Giám đốc chủ động triển khai thực hiện.

- *Giao nhận đường bộ:*

Giữ nguyên mức chênh lệch như hiện nay, cụ thể:

- + Petrolimex, PVOIL: cộng thêm **0,70 USD/thùng** so với phụ phí đường biển;
- + Các khách hàng còn lại: cộng thêm **0,90 USD/thùng** so với phụ phí đường biển;
- Phụ phí xăng E10RON 95 xuất bán bằng đường bộ: Pre xăng 95 **+1,11 (USD/thùng)** + mức chênh đường bộ/biển cho mỗi khách hàng.
- Phụ phí xăng E5RON 92 xuất bán cho Petrolimex bằng đường bộ qua kho PVOIL: **+ 5,16 USD/thùng**.

b. Đối với sản phẩm Jet A-1/KO:

- + Công thức giá: $P = (MOPS \text{ JET/KO} + Pre) \times (1 + \%GTGT) \times \text{Tỷ giá}$.
- + Cách xác định mức phụ phí Jet A-1/KO: $Pre = + (0,03 \text{ MOPS} + \text{phụ phí thị trường})$. Phụ phí thị trường như sau:
 - + Đối với giao nhận đường biển (PA, Skypec): **+0,75 USD/thùng**;
 - + Đối với giao nhận đường bộ: cộng thêm **0,80 USD/thùng** so với giao nhận bằng đường biển (như mức chênh hiện nay);
 - + Mức phụ phí thị trường giao nhận đường biển đối với sản phẩm KO áp dụng đối với Petrolimex: **+ 0,75 USD/thùng**

2. Xuất khẩu sang Lào

Công thức giá P (USD/thùng) = **MOPS + Pre**

- *Đối với đường bộ:*
 - Phụ phí (Pre) áp dụng cho SVP đối với DO: **+ 2,50 USD/thùng**

– Phụ phí (Pre) áp dụng cho PVOIL Lào đối với DO: **+2,3 USD/thùng.**

• *Đối với sản phẩm giao nhận đường biển/CFR (nếu có):*

Trường hợp khách hàng có nhu cầu và BSR cân đối được, giao cho Tổng Giám đốc chủ động mở rộng và phát triển thị trường tại Lào, mức phụ phí FOB dựa theo nguyên tắc phụ phí FOB đường biển của Nhóm 3; CFR= FOB Dung Quất cộng (+) chi phí đưa hàng về kho ngoại quan (CFR).

